

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 29/ 4/ 2022

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
Hợp đồng thế chấp tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH - TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Thọ
2. Bà Nguyễn Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỳ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh - tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX- ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NHTMCP TV

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ Đ, Tp Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D– Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Người được ủy quyền lại: Ông Đặng Quốc Đ – chuyên viên xử lý nợ (văn bản ủy quyền số 6402/2021/TB-AMC ngày 06/5/2021) (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 C, phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

2/ Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Bà Lâm Thị S, sinh năm 1981 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Chà Là, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Quốc Đ trình bày:

NHTMCP TV(VPBank) – PGD Chợ Lớn có cho ông Bùi Văn H và bà Lâm Thị S vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số số LN1711210327994/CLN/HĐTD ký ngày 01/12/2017 và Khế ước nhận nợ lần 1 số LN1711210327994/CLN/HĐTD ký cùng ngày, với số tiền 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2022. Mục đích vay là mua xe ô tô tải Teraco Tera 190 thùng mui bạt, mới 100%. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 9.9%/năm, cố định trong 06 tháng đầu tiên. Sau đó, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh bằng Lãi suất tiết kiệm 24 tháng bậc thang cao nhất của NH đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ là 6.2%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay mua xe ô tô là 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu TERACO, số khung 17BLHC000093, số máy D4BBG823078, biển kiểm soát số 93C – 099.63 đứng tên ông Bùi Văn H. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1711210327994/CLN/HĐTCSP ký ngày 01/12/2017 đã được công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông H bà S còn vay theo hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ NH điện tử số DSA/VN10100325/201903/893622 ký ngày 22/03/2019. Căn cứ theo Giấy đăng ký kiểm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ NH điện tử số DSA/VN10100325/201903/893622 ký ngày 22/03/2019, NHTMCP TV– Hub CSR Bến Thành có cho ông Bùi Văn H vay số tiền 40.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng, tính từ ngày 26/03/2019 đến ngày 01/03/2022. Mục đích sử dụng tiền vay là mua đồ gia dụng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 20%/năm. Mức điều chỉnh cộng tối đa (+) biên độ là 3.5%/năm.

Từ ngày 02/08/2019 ông H và bà S đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên NH đã chuyển nợ quá hạn theo Điều 6 của Hợp đồng cho vay. Căn cứ vào điều 7 của Hợp đồng tín dụng về “Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và Xử lý nợ” NH đã gửi Thông báo thu hồi nợ trước hạn nhưng ông H và bà S vẫn không trả nợ cho NH. Tính từ ngày khởi kiện đến ngày 29/4/2022 ông H và bà S đã trả cho VPBank, tổng cộng là 185.682.859đ (*một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn tám trăm năm mươi chín đồng*), trong đó tiền gốc: 134.293.172 đồng, tiền lãi: 51.389.687đồng. Cụ thể: Hợp đồng số LN1711210327994/CLN/HĐTD ngày 01/12/2017 là 178.065.519 đồng. Trong đó tiền gốc: 130.022.729 đồng; tiền lãi: 48.042.790 đồng; Hợp đồng số DSA/VN10100325/201903/893622 ngày 22/03/2019 là 7.617.340 đồng. Trong đó tiền gốc: 4.270.443 đồng; tiền lãi: 3.346.897 đồng. Hiện ông H bà S còn nợ của NH hai khoản vay số tiền là: 297.775.348 đồng.

Nay NHTMCP TV yêu cầu ông H bà S trả số tiền là: 297.775.348đ (*hai trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi tám đồng*); Trong đó, nợ

gốc: 165.706.828đ (*một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn tám trăm hai mươi tám đồng*), nợ lãi: 132.068.520đ (*một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm hai mươi đồng*), tính đến ngày 29/04/2022. Cụ thể:

- Hợp đồng số LN1711210327994/CLN/HĐTD ngày 01/12/2017: Nợ gốc: 129.977.271 đồng; Nợ lãi: 102.739.225đ (*một trăm lẻ hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng*). Hợp đồng số DSA/VN10100325/201903/893622 ngày 22/03/2019: Nợ gốc: 35.729.557 đồng; nợ lãi: 29.329.295 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 30/4/2022, ông H và bà S còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi trả hết số nợ vay cho NH .

Tại phiên tòa, đại diện NH yêu cầu công nhận tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp số N1711210327994/CLN/HĐTCSP ngày 01/12/2017 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu TERACO, số khung 17BLHC000093, số máy D4BBG823078, biển kiểm soát số 93C – 099.63 đứng tên ông H.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán, ông H và bà S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ nợ vay tại NH .

** Bị đơn ông Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông H vắng mặt.*

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đồng bị đơn bà Lâm Thị S trình bày:

Tháng 12/2017, bà S và ông H có vay của NHTMCP TV– PGD Chợ Lớn số tiền 260.000.000 đồng; Thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2022; Ngày 22/03/2019 vay số tiền 40.000.000 đồng; Thời hạn vay 36 tháng, tính từ ngày 26/03/2019 đến ngày 01/03/2022.

Ông H là người trực tiếp trả nợ cho NH theo định kỳ, hiện nay ông H trả bao nhiêu thì bà S không biết. Ông H đang đi làm ăn xa, hiện nay xe ô tô ở đâu thì bà S không biết. Nay NH yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả số tiền 297.775.348 đồng. Trong đó, nợ gốc: 165.706.828 đồng, nợ lãi tạm tính tới ngày 29/04/2022 là 132.068.520 đồng và chịu lãi suất đến ngày thanh toán xong toàn bộ số tiền trên cho NH thì bà S đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng không có tài sản gì để trả nên đồng ý kê biên tài sản đã thế chấp là xe ô tô là 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu TERACO, số khung 17BLHC000093, số máy D4BBG823078, biển kiểm soát số 93C – 099.63 đứng tên ông Bùi Văn H. Đồng thời bà S đồng ý công nhận Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1711210327994/CLN/HĐTCSP ngày 01/12/2017 để thu hồi nợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 317, 320, 323, 303, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 90, 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của NHTMCP TV : Buộc ông Bùi Văn H và bà Lâm Thị S trả số tiền: 297.775.348đ (*hai trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi tám đồng*); Trong đó, nợ gốc: 165.706.828đ (*một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn tám trăm hai mươi tám đồng*), nợ lãi: 132.068.520đ (*một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm hai mươi đồng*), tính đến ngày 29/4/2022 cho NHTMCP TV . Ngoài ra, kể từ ngày 30/4/2022, ông H và bà S còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi trả hết số nợ vay cho NH . Công nhận tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp số N1711210327994/CLN/HĐTCSP ngày 01/12/2017 đối với xe ô tô tải, nhãn hiệu TERACO, số khung 17BLHC000093, số máy D4BBG823078, biển kiểm soát số 93C – 099.63 đứng tên ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: NHTMCP TV có đơn khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn H và bà Lâm Thị S trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu công nhận tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp tài sản, nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản*”. Ông Bùi Văn H và bà Lâm Thị S cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông H đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, đại diện NHTMCP TV yêu cầu ông Bùi Văn H và bà Lâm Thị S trả nợ 02 hợp đồng vay với số tiền 297.775.348đ (*hai trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi tám đồng*); Trong đó, nợ gốc: 165.706.828đ (*một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn tám trăm hai mươi tám đồng*), nợ lãi:

132.068.520đ (*một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm hai mươi đồng*), tính đến ngày 29/04/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số LN1711210327994/CLN/HĐTD ký ngày 01/12/2017; và Khế ước nhận nợ lần 1 số LN1711210327994/CLN/HĐTD ký cùng ngày, NHTMCP TV– PGD Chợ Lớn có cho ông Bùi Văn H và bà Lâm Thị S vay số tiền 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2022 và khoản vay theo hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ NH điện tử số DSA/VN10100325/201903/893622 ký ngày 22/03/2019 với số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) thời hạn vay 36 tháng, tính từ ngày 26/03/2019 đến ngày 01/03/2022. Tổng 02 khoản vay là 300.000.000 đ (*Ba trăm triệu đồng*). Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 01 hàng tháng. Mỗi tháng trả số tiền gốc là 4.340.000 đồng và tiền lãi. Bà S cũng thừa nhận việc vay tiền. Như vậy, có căn cứ xác định việc NH cho ông H và bà S vay số tiền 300.000,000đ (*ba trăm triệu đồng*) là đúng.

[2.1] Về tiền gốc: Trong thời gian vay, ông H và bà S trả nợ không đầy đủ. Từ ngày 02/08/2019 ông H và bà S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên NH đã chuyển nợ quá hạn và “Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và Xử lý nợ” NH đã gửi Thông báo thu hồi nợ trước hạn nhưng ông H và bà S vẫn không trả. Tính đến ngày 29/4/2022 ông H và bà S đã trả cho VPBank, tổng cộng là 185.682.859đ (*một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn tám trăm năm mươi chín đồng*). Cụ thể: Hợp đồng số LN1711210327994/CLN/HĐTD ngày 01/12/2017 là 178.065.519đ (*một trăm bảy mươi tám triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm mười chín đồng*). Trong đó tiền gốc: 130.022.729đ (*Một trăm ba mươi triệu không trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng*), tiền lãi là 48.042.790đ (*Bốn mươi tám triệu không trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi đồng*); Hợp đồng số DSA/VN10100325/201903/893622 ngày 22/03/2019 là 7.617.340đ (*Bảy triệu sáu trăm mười bảy ngàn ba trăm bốn mươi đồng*). Trong đó tiền gốc là 4.270.443 đồng, tiền lãi là 3.346.897 đồng. Như vậy, trong 02 hợp đồng vay ông H bà S đã trả được tiền gốc là 134.293.172đ (*một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm chín mươi ba ngàn một trăm bảy mươi hai đồng*), còn nợ 165.706.828đ (*một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn tám trăm hai mươi tám đồng*). Do ông H và bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên, cần chấp nhận yêu cầu của NHTMCP TV về việc yêu cầu ông H và bà S trả số tiền gốc của hai hợp đồng là 165.706.828đ (*một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn tám trăm hai mươi tám đồng*).

[2.2] Về tiền lãi: Theo Hợp đồng tín dụng thỏa thuận lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 9.2%/năm, cố định trong 06 tháng đầu tiên. Sau đó, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh bằng Lãi suất tiết kiệm 24 tháng bậc thang cao nhất của NH đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ là 6.2%/năm. Theo hợp đồng cho vay không TSBĐ, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 20%/năm. Mức lãi suất vay theo hợp đồng được hai bên thỏa thuận điều chỉnh theo từng thời kỳ. Do ông H

và bà S vi phạm thời hạn trả nợ nên NH áp dụng lãi suất quá hạn đối với khoản nợ gốc chưa trả theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

Hợp đồng số LN1711210327994/CLN/HĐTD ngày 01/12/2017 lãi suất tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/6/2018 là 9,2%/năm; từ ngày 02/6/2018 đến 07/01/2019 là 13,4%/năm; từ ngày 08/01/2019 đến 01/8/2019 là 16%/năm; từ ngày 02/8/2019 đến 03/3/2020 là 16,2%/năm; từ ngày 04/3/2020 đến 06/01/2022 là 15,8%/năm; từ ngày 07/01/2022 đến 29/4/2022 là 13,6%/năm. Tổng cộng lãi là 150.782.015đ, đã trả 48.042.790đ, còn nợ 102.739.225đ (*một trăm lẻ hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng*).

Hợp đồng số DSA/VN10100325/201903/893622 ngày 22/03/2019 lãi suất tính từ ngày 26/3/2019 đến ngày 29/4/2022 là 20%/năm. Tổng lãi là 32.676.192đ, đã trả 3.346.897 đồng, còn nợ 29.329.295 đồng (*hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín ngàn hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

Do ông H và bà S không trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận nên NH yêu cầu trả lãi là phù hợp, cần chấp nhận. Nợ lãi của hai hợp đồng tính đến ngày 29/04/2022 là 132.068.520đ (*một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm hai mươi đồng*).

[2.3] Tổng cộng ông H và bà S phải trả cho NHTMCP TV số tiền của hai hợp đồng trên là: 297.775.348đ (*hai trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi tám đồng*). Trong đó, nợ gốc: 165.706.828đ (*một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn tám trăm hai mươi tám đồng*), nợ lãi: 132.068.520đ (*một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm hai mươi đồng*), tính đến ngày 29/04/2022. Cụ thể:

- Hợp đồng số LN1711210327994/CLN/HĐTD ngày 01/12/2017: Nợ gốc: 129.977.271đ (*một trăm hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi một đồng*); Nợ lãi: 102.739.225đ (*một trăm lẻ hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng*).

- Hợp đồng số DSA/VN10100325/201903/893622 ngày 22/03/2019: Nợ gốc: 35.729.557đ (*ba mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn năm trăm năm mươi bảy đồng*); nợ lãi: 29.329.295 đồng (*hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín ngàn hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

- Ngoài ra, kể từ ngày 30/04/2022, ông H và bà S còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi trả hết số nợ vay cho NH.

[2.4] Tại phiên tòa, đại diện NH yêu cầu công nhận tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp số N1711210327994/CLN/HĐTCSP ngày 01/12/2017 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu TERACO, số khung 17BLHC000093, số máy D4BBG823078, biển kiểm soát số

93C – 099.63 đứng tên ông H. Xét thấy Hợp đồng thế chấp ô tô đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn chịu án phí chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 317, 320, 323, 303, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 90, 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHTMCP TV

Buộc ông Bùi Văn H và bà Lâm Thị S trả cho NHTMCP TV số tiền của hai hợp đồng trên là: 297.775.348đ (*hai trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi tám đồng*). Trong đó, nợ gốc: 165.706.828đ (*một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn tám trăm hai mươi tám đồng*), nợ lãi: 132.068.520đ (*một trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm hai mươi đồng*), tính đến ngày 29/04/2022. Cụ thể:

- Hợp đồng số LN1711210327994/CLN/HĐTD ngày 01/12/2017: Nợ gốc: 129.977.271đ (*một trăm hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi mốt đồng*); Nợ lãi: 102.739.225đ (*một trăm lẻ hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng*).

- Hợp đồng số DSA/VN10100325/201903/893622 ngày 22/03/2019: Nợ gốc: 35.729.557đ (*ba mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn năm trăm năm mươi bảy đồng*); nợ lãi: 29.329.295 đồng (*hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín ngàn hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

- Ngoài ra, kể từ ngày 30/04/2022, ông H và bà S còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi trả hết số nợ vay cho NH .

Công nhận tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1711210327994/CLN/HĐTCSP ký ngày 01/12/2017 giữa ông Bùi Văn H và NHTMCP TV.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn H và bà Lâm Thị S chịu 14.888.767 đồng (*mười bốn triệu tám trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng và 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với quan hệ tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản.

NHTMCP TV không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh hoàn trả lại cho NHTMCP TV số tiền 6.489.230 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0196640 ngày 22/4/2021.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của NH cho vay thì lãi suất mà bên có nghĩa vụ thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho NH cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của NH cho vay.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đồng bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kiều Chinh